

NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỔI MỚI CỦA SNA 2008 Ở VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Hương*

Tăng trưởng và phát triển kinh tế kéo theo sự thay đổi cả về chất và về lượng đối với toàn bộ hoạt động kinh tế nói chung và công tác hạch toán tài khoản quốc gia nói riêng. Trong phạm vi doanh nghiệp, nhiều cải tiến về khoa học kỹ thuật, công nghệ, trình độ quản lý đã cho ra đời những sản phẩm mới hiện đại hơn, những sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao hơn. Trên phạm vi quốc gia, các hoạt động kinh tế đều phát triển sâu hơn, rộng hơn. Từ những thay đổi căn bản của hoạt động kinh tế trong giai đoạn hiện nay, cơ quan Thống kê Liên hợp quốc đã tiến hành nghiên cứu, cập nhật, bổ sung nhiều nội dung trong phiên bản Hệ thống Tài khoản quốc gia 2008 (SNA 2008) cho phù hợp với tình hình mới. SNA 2008 vẫn giữ nguyên khung lý thuyết cơ bản của phiên bản trước đó là SNA 1993. SNA 2008 giới thiệu các cách xử lý cho các lĩnh vực kinh tế đang trở nên nổi bật, trình bày chi tiết về những khía cạnh đang ngày càng thu hút sự chú ý của công tác phân tích, và làm sáng tỏ nhiều vấn đề khác. Những thay đổi trong SNA 2008 khiến cho các tài khoản phù hợp với tiến triển của môi trường kinh tế, các tiên bộ trong nghiên cứu phương pháp luận và nhu cầu của người dùng tin. Hiện nay, tất cả các nước trên thế giới đều tiến tới áp dụng hạch toán tài khoản quốc gia theo SNA 2008.

Việt Nam thực hiện áp dụng SNA của Liên hợp quốc thay cho Hệ thống Bảng cân đối kinh tế quốc dân từ năm 1993 và cho đến nay bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định. Trước những thay đổi, bổ sung trong hạch toán quốc gia theo SNA 2008 của Liên hợp quốc và những thay đổi trong tình hình phát triển kinh tế và nội tại hạch toán doanh nghiệp trong nước hiện nay, thống kê tài khoản quốc gia Việt Nam cần nghiên cứu cập nhật và hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và so sánh quốc tế. Bài viết tập trung vào giới thiệu những nội dung khác biệt giữa SNA 2008 so với SNA 1993 và đề xuất áp dụng SNA 2008 ở Việt Nam trong thời gian tới.

Sự khác biệt giữa SNA 2008 và SNA 1993

SNA 2008 có 6 nội dung khác biệt so với SNA 1993: (i) Đơn vị thống kê và khu vực thể chế; Phạm vi các giao dịch; Tài sản, tích lũy tài sản và khấu hao tài sản cố định; Các công cụ và tài sản tài chính; Các giao dịch liên quan tới khu vực nhà nước và khu vực công cộng; Thống nhất các khái niệm và phân loại của SNA và Bảng cân đối thanh toán phiên bản 6. Chi tiết các nội dung thay đổi nói trên được trình bày ở Bảng 1.

* Phó Vụ trưởng Vụ Tài khoản quốc gia

Bảng 1. Sự khác biệt giữa SNA 2008 và SNA 1993

TT	SNA 1993	SNA 2008
1	Đơn vị thống kê và khu vực thể chế	
1.1	Đơn vị sản xuất chỉ thực hiện các hoạt động phụ trợ luôn được coi là một thành phần nội bộ của đơn vị cơ sở mà nó phục vụ	Đơn vị sản xuất tiến hành các hoạt động phụ trợ được coi là đơn vị cơ sở riêng biệt trong một số trường hợp nhất định
1.2	Đưa ra khái niệm về các đơn vị phụ trợ và các đơn vị này không được coi là đơn vị thể chế riêng biệt.	Các đơn vị phụ trợ trong SNA 2003 được gọi là các đơn vị phụ thuộc giả trong SNA 2008. Các đơn vị phụ thuộc giả không được coi là đơn vị thể chế trừ khi là đơn vị thường trú của một nền kinh tế khác với nền kinh tế mà công ty mẹ đóng ở đó
1.3	Mới đề cập đến doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân thuộc quyền sở hữu của một đơn vị thể chế không thường trú phải được coi là một đơn vị thường trú giả định ở quốc gia mà đơn vị đó nằm trên	Chi nhánh của một đơn vị không thường trú được coi là một đơn vị thể chế
1.4	Không đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc xác định tính chất thường trú đối với các doanh nghiệp liên vùng	Làm rõ về thường trú của các doanh nghiệp liên vùng
1.5	Không đưa ra hướng dẫn cụ thể về cách xử lý các đơn vị không có lao động làm thuê và không có tài sản phi tài chính	Hướng dẫn cụ thể xử lý các đơn vị không có lao động làm thuê và không có các tài sản phi tài chính
1.6	Khuyến nghị các công ty nắm giữ được phân bổ vào khu vực thể chế mà trong đó tập trung các hoạt động chính của nhóm các đơn vị phụ trợ. Do đó, chúng được phân vào nhóm các doanh nghiệp tài chính chỉ khi hoạt động chính của nhóm các công ty thuộc quyền quản lý của công ty nắm giữ là hoạt động tài chính.	Công ty nắm giữ được phân vào khu vực doanh nghiệp tài chính
1.7	Không đưa ra hướng dẫn cụ thể về xử lý các trụ sở chính	Trụ sở chính được phân bổ cho khu vực thể chế của phần lớn đơn vị phụ thuộc nó
1.8	Trình bày về khu vực vô vị lợi	Đề cập tới cấp thấp hơn của khu vực vô vị lợi
1.9	Định nghĩa về các dịch vụ tài chính	Mở rộng định nghĩa các dịch vụ tài chính
1.10	Phân nhỏ khu vực công ty tài chính (5 tiểu nhóm)	Điều chỉnh việc phân nhỏ của khu vực công ty tài chính (9 tiểu nhóm)

TT	SNA 1993	SNA 2008
2	Phạm vi các giao dịch	
2.1	Nghiên cứu và phát triển là hoạt động phụ trợ và kết quả của hoạt động này được coi là một phần của tiêu dùng trung gian	Nghiên cứu và phát triển là một hoạt động riêng biệt
2.2	Các dịch vụ trung gian tài chính đo lường gián tiếp (FISIM) tính trên cơ sở chênh lệch giữa thu nhập sở hữu nhận được và lãi phải trả	Các dịch vụ trung gian tài chính đo lường gián tiếp (FISIM) tính trên cơ sở các khoản vay và các khoản tiền gửi dùng tỷ lệ tham chiếu.
2.3	Khuyến nghị tính dịch vụ của ngân hàng trung ương trên cơ sở các khoản thu từ khoản phí, hoa hồng, các dịch vụ trung gian tài chính đo lường gián tiếp	Kết quả sản xuất của ngân hàng trung ương được tách thành hai mảng: một phần là dịch vụ công xử lý tương tự như quản lý nhà nước, một phần là hoạt động dịch vụ trung gian tài chính đo lường gián tiếp
2.4	Giá trị sản xuất của hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ ước tính phụ thuộc vào sự bù đắp giữa chi phí và tiền bồi thường (trên cơ sở phát sinh)	Cải tiến cách hạch toán giá trị sản xuất của dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ Kết quả của hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ tính theo 3 phương pháp: (i). Phương pháp kỳ vọng; (ii). Phương pháp hạch toán; (iii). Phương pháp chi phí
2.5	Giao dịch tái bảo hiểm được hợp nhất với giao dịch của bảo hiểm trực tiếp	Tái bảo hiểm được xử lý như bảo hiểm trực tiếp
2.6	Không nêu rõ việc tính cả phần hoàn vốn khi tính giá trị của hàng hoá và dịch vụ được sản xuất cho tự tiêu dùng của hộ gia đình, công ty	Tính giá trị tự tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình và công ty để tính cả phần hoàn vốn
3	Tài sản, tích lũy tài sản và khấu hao tài sản cố định	
3.1	Không xác định rõ quyền sở hữu	Trình bày về thay đổi quyền sở hữu kinh tế
3.2	Coi các vật được cấp bằng sáng chế là tài sản phi sản xuất	Mở rộng phạm vi tài sản bao gồm cả nghiên cứu và phát triển
3.3	Phân loại tài sản - Chi liệt kê các phân mục lớn mà không có chi tiết cụ thể cho từng phân mục - Tài sản sản xuất được phân thành tài sản vô hình và tài sản hữu hình	Điều chỉnh về phân loại tài sản đã đưa ra - Đưa ra phân loại tài sản chi tiết hơn - Tài sản sản xuất không tách riêng thành tài sản hữu hình và tài sản vô hình - Một số thay đổi và bổ sung khác
3.4	Chỉ đưa vào lũy tài sản cố định các khoản chi phí của quân đội cho tài sản cố định có thể dùng cho mục đích dân sự	Mở rộng phạm vi tài sản và tổng tích lũy tài sản của nhà nước bao gồm cả chi tiêu cho hệ thống vũ khí
3.5	Trình bày qua về phần mềm máy tính	Mục "phần mềm máy tính" được sửa đổi thành "Phần mềm máy tính và cơ sở dữ liệu"

TT	SNA 1993	SNA 2008
3.6	Không hướng dẫn cách xử lý các bản gốc và phiên bản như các sản phẩm riêng biệt	Các bản gốc và bản copy được coi là các sản phẩm riêng biệt
3.7	Trình bày qua về dịch vụ vốn	Trình bày chi tiết về dịch vụ vốn
3.8	Không nêu cụ thể xử lý các chi phí cuối cùng (Chi phí còn lại sau chuyển quyền sở hữu)	Trình bày chi tiết về cách xử lý chi phí chuyển quyền sở hữu
3.9	Chưa đề cập đến khai thác và định giá khoáng sản	Khai thác và định giá khoáng sản
3.10	Hạch toán các hoạt động cải tạo đất là tích lũy tài sản cố định	Cải tạo đất <i>Khuyến nghị xử lý: các hoạt động cải tạo đất là một mục của tài sản cố định khác với tài sản đất không sản xuất trước khi cải tạo</i>
3.11	Đề cập tới Thương hiệu kinh doanh	Đổi “Thương hiệu kinh doanh” thành “Thương hiệu kinh doanh và các tài sản tiếp thị”
3.12	Nước là sản phẩm tự nhiên, không do đơn vị thể chế nào tạo ra nên không thuộc phạm trù sản xuất và không được coi là tài sản	Tài nguyên nước được coi là tài sản trong một số trường hợp Mở rộng định nghĩa tài nguyên nước, gồm: Sông, hồ, hồ nhân tạo và các thiết bị chứa nước nổi khác ngoài lớp ngập nước và các tài nguyên nước ngầm khác
3.13	Không đưa ra hướng dẫn về việc dùng giá để đánh giá khấu hao tài sản cố định	Khấu hao tài sản cố định được tính theo giá bình quân thời kỳ qua chỉ số giá của tài sản không có sự thay đổi về chất lượng
3.14	Đề cập tới Tài sản trồng trọt	Đổi “Tài sản trồng trọt” thành “Tài nguyên sinh học qua trồng trọt” và đưa ra định nghĩa về các tài nguyên sinh học qua trồng trọt
3.15	Đề cập tới Tài sản sản xuất vô hình	Đổi tên “Tài sản sản xuất vô hình” thành “Các sản phẩm sở hữu trí tuệ”
3.16	Không trình bày khái niệm của một hợp đồng cho thuê tài chính đối với tài nguyên thiên nhiên	Khái niệm về cho thuê tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên <i>Giới thiệu khái niệm của một hợp đồng cho thuê tài chính đối với tài nguyên thiên nhiên</i>
3.17	Đề cập tới Mục những thay đổi khác về khối lượng tài sản	Giới thiệu sự thay đổi trong mục những thay đổi khác về khối lượng tài sản
4	Các công cụ và tài sản tài chính	
4.1	Chưa đề cập các cách xử lý hợp đồng mua lại chứng khoán	Cách xử lý hợp đồng mua lại chứng khoán

TT	SNA 1993	SNA 2008
4.2	Chưa hướng dẫn về cách xử lý quyền mua cổ phần của người lao động	Xử lý quyền mua cổ phần của người lao động
4.3	Chưa hướng dẫn về tiêu chuẩn được áp dụng để hạch toán nợ xấu	Xử lý chi tiết các khoản nợ xấu
4.4	Chưa hướng dẫn cách xử lý các luồng phát sinh trong quá trình sử dụng	Trình bày chi tiết về cách xử lý vật bảo đảm
4.5	Chưa hướng dẫn cách chi tiết về cách hạch toán về các chứng khoán nợ	Trình bày chi tiết về cách xử lý chứng khoán nợ
4.6	Khuyến nghị công cụ nợ ở dạng ngoại tệ thì sự thay đổi về giá trị của khoản tiền gốc dưới dạng tiền nội tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá cần được coi là lợi ích nắm giữ	Điều chỉnh cách xử lý các công cụ nợ gắn liền với một ngoại tệ <i>Khuyến nghị: nên bỏ theo khuyến nghị của SNA 1993</i>
4.7	Đưa ra hướng dẫn chặt chẽ về cách đánh giá vốn cổ phần không niêm yết	Linh hoạt hoá khi đánh giá cổ phiếu không niêm yết
4.8	Chưa đề cập tới vàng không chỉ định	Vàng không chỉ định được coi là tài sản tài chính và nợ
4.9	Không trình bày về các kim loại chỉ định và không chỉ định	Điều chỉnh định nghĩa về vàng tiền và vàng nén
4.10	Đã phân loại xử lý các quyền rút vốn đặc biệt là tài sản không có nợ tương ứng	Nhận biết quyền rút vốn đặc biệt
4.11	Chưa đề cập tới tiền gửi và nợ	Phân biệt giữa tiền ký gửi và nợ
4.12	Không hướng dẫn việc phát hành phí phải trả đối với cho vay chứng khoán và vay nợ vàng	Phí phải trả đối với hoạt động cho vay chứng khoán và các khoản nợ bằng vàng
4.13	Không hướng dẫn cụ thể về phân loại tài sản tài chính	Phân loại tài sản tài chính
4.14	Phân biệt giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động dựa vào quyền sở hữu kinh tế <i>Dựa vào độ dài thời hạn của hợp đồng</i>	Phân biệt giữa cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động dựa vào quyền sở hữu kinh tế <i>Dựa vào người đi thuê có được coi là chủ sở hữu về mặt kinh tế của tài sản đó hay không</i>
4.15	Đóng góp xã hội thực tế của chủ lao động và người lao động trong một thời kỳ phải là khoản tiền thực nộp vào quỹ hưu trí	Những thay đổi trong khuyến nghị về hạch toán quyền lợi hưu trí
5	Các giao dịch liên quan tới khu vực nhà nước và khu vực công cộng	
5.1	Chưa phân biệt giữa các khu vực tư nhân/công	Phân biệt ranh giới giữa các khu vực tư nhân/công

TT	SNA 1993	SNA 2008
	cộng/nhà nước	cộng/nhà nước
5.2	Chưa đưa ra hướng dẫn để xử lý các cơ quan tái cơ cấu	Chi tiết về cách xử lý các cơ quan tái cơ cấu
5.3	Chưa trình bày rõ cách xử lý các giấy phép do Nhà nước ban hành	Trình bày rõ cách xử lý các giấy phép do Nhà nước ban hành
5.4	Các khoản tiền đặc biệt Nhà nước trả cho các công ty công được hạch toán là chuyển nhượng vốn	Các khoản tiền đặc biệt của Nhà nước trả cho cả công ty công và doanh nghiệp bán công ty công được coi là phần thêm vào cổ phần
5.5	Các khoản tiền đặc biệt Nhà nước trả cho các doanh nghiệp bán công ty công được hạch toán là phần thêm vào cổ phần	Các khoản tiền đặc biệt của Nhà nước trả cho doanh nghiệp bán công ty để bù vào các khoản lỗ nên được coi là chuyển nhượng vốn cho các doanh nghiệp công
5.6	Không trình bày về hạch toán cộng dồn thuế	Trình bày về hạch toán cộng dồn cho thuế
5.7	Không hướng dẫn về cách xử lý tín dụng thuế	Trình bày cách xử lý tín dụng thuế
5.8	Không hướng dẫn về cách xử lý hợp tác công - tư	Làm rõ cách xử lý quyền sở hữu tài sản cố định được tạo ra qua hợp tác công - tư
5.9	Không trình bày về thuế thu từ lợi nhuận do nắm giữ tài sản.	Thuế thu từ lợi nhuận do nắm giữ tiếp tục được trình bày như thuế thu nhập và tài sản hiện hành
6	Thông nhất các khái niệm và phân loại của SNA và Bảng cân cân thanh toán phiên bản 6	
6.1	Không đưa ra hướng dẫn về cách xử lý thường trú của các cá nhân sống ở nhiều nước trong thời gian ngắn	Trung tâm lợi ích kinh tế nổi trội là tiêu chí cơ bản để xác định thường trú của đơn vị
6.2	Không hướng dẫn cụ thể về thay đổi thường trú của cá nhân	Sự thay đổi nơi thường trú của cá nhân
6.3	Xử lý hàng hóa gửi đi gia công chế biến giống như trường hợp có sự thay đổi quyền sở hữu	Hàng hóa xuất khẩu được ghi nhận trên cơ sở có sự thay đổi quyền sở hữu
6.4	Chưa trình bày về cách xử lý hàng chuyển khẩu	Trình bày cách xử lý hàng chuyển khẩu

2. Đề xuất áp dụng một số nội dung đổi mới của SNA 2008 ở Việt Nam

Xuất phát từ thực trạng áp dụng SNA 1993 ở Việt Nam và nội dung đổi mới SNA 2008 của Liên hợp quốc, đồng thời để đảm bảo tính so sánh quốc tế của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng, việc áp

dụng SNA 2008 là cần thiết. Tuy nhiên, để có thể áp dụng được SNA 2008 cần lựa chọn những nội dung đổi mới phù hợp, đảm bảo tính khả thi, có tác động trực tiếp đến GDP và có khả năng khắc phục được những vấn đề còn tồn tại trong vận dụng SNA ở Việt Nam hiện nay. Dưới đây là một số đề xuất cụ thể để áp dụng SNA 2008 vào Việt Nam trong thời gian tới.

2.1. Đơn vị thông kê

“Đơn vị cơ sở là các đơn vị hoạt động trong một ngành kinh tế nhất định, đóng trên một địa bàn nhất định. Đơn vị cơ sở có thể hạch toán độc lập, có thể hạch toán phụ thuộc.

- *Đơn vị thể chế*: có thể áp dụng một số những thay đổi như sau: Một đơn vị phụ thuộc giả không được coi là một đơn vị thể chế trừ khi nó là thường trú của một nền kinh tế khác với nền kinh tế mà công ty mẹ thường trú ở đó. Chi nhánh của các đơn vị không thường trú được coi là một đơn vị thể chế. Trên thực tế, Việt Nam cũng đã vận dụng đề xuất này về đơn vị thể chế trong xác định các văn phòng đại diện của nước ngoài ở Việt Nam.

- *Đơn vị thường trú*: SNA 2008 đề xuất làm rõ vấn đề thường trú của các doanh nghiệp liên vùng, đề nghị phân chia doanh nghiệp thành các đơn vị thường trú trên địa bàn hay còn gọi là đơn vị địa bàn.

Trên thực tế, đề xuất này đã được Tổng cục Thống kê thử nghiệm áp dụng trong xác định các đơn vị thường trú của các công ty thủy điện để phân chia kết quả hoạt động của các công ty này cho các tỉnh có liên quan vào năm 2010. Trong thời gian tới, cần có quy định cụ thể để áp dụng cách phân chia này cho tất cả các đơn vị hoạt động trên nhiều địa bàn tỉnh thành phố hoạt động trong tất cả các ngành của nền kinh tế.

- *Trụ sở chính*

Đối với phân loại hoạt động của trụ sở chính của các đơn vị (tập đoàn, tổng công ty, các công ty liên vùng, liên tỉnh...) cần được áp dụng theo đổi mới của SNA 2008 với khuyến nghị như sau: Trụ sở chính được phân vào khu vực thể chế của phần lớn các đơn vị phụ thuộc nó.

Đối với hoạt động của trụ sở chính của các công ty phi tài chính được xác định thuộc ngành M và thuộc khu vực phi tài chính; Đối với trụ sở chính của các công ty tài chính được phân vào khu vực tài chính.

Việc áp dụng phân loại trụ sở chính của các đơn vị phi tài chính vào ngành M, mục 7010 (Hoạt động của trụ sở văn phòng) sẽ giải quyết được một thực trạng gây nhiều tranh cãi ở Việt Nam hiện nay, đó là thành phố Hà Nội có hoạt động khai thác than, hay khai thác dầu khí...Việc phân loại này không những cho phép tính các chỉ tiêu tài khoản quốc gia đúng theo ngành kinh tế mà nó còn cho phép phân chia được các đơn vị theo địa bàn tỉnh, thành phố.

- *Công ty nắm giữ*

SNA 2008 có đưa ra khuyến nghị cần xác định sự khác nhau giữa công ty quản lý vốn và trụ sở chính của các công ty để phân loại vào các khu vực thể chế cho phù hợp với chức năng hoạt động của chúng.

Công ty nắm giữ vốn được xác định là đơn vị nắm giữ tài sản (sở hữu cổ phần ở mức độ kiểm soát) của một số các công ty phụ thuộc nhưng không quản lý, điều hành hoạt động sản xuất của các công ty mà nó nắm giữ vốn. Các công ty nắm giữ vốn này được coi là một đơn vị thể chế tài chính và luôn được xếp vào khu vực tài chính mặc dù phần lớn các công ty mà nó đầu tư vốn vào là các công ty phi tài chính. Đây là đề xuất cần được áp dụng vào Việt Nam trong thời gian tới vì hiện nay các công ty nắm giữ vốn ở Việt Nam đang phát triển nhanh chóng. Hầu hết các tập đoàn lớn hoạt động trong lĩnh vực phi tài chính của nhà nước như tập đoàn Dầu khí, Điện lực, Hóa chất... đều có các công ty tài chính nhằm huy động và sử dụng vốn nhân quỹ của các đơn vị thành viên. Để thực hiện được việc phân loại này, cần thu thập được thông tin về hoạt động nắm giữ vốn của các đơn vị thành viên đặc biệt trong các tập đoàn, tổng công ty lớn ở nước ta hiện nay.

2.2. Phạm vi hoạt động

(1) *Hoạt động nghiên cứu và phát triển (NCPT)*

Hoạt động NCPT là hoạt động sáng tạo được tiến hành trên cơ sở có hệ thống để nâng cao kiến thức về con người, văn hóa, xã hội và sử dụng những kiến thức này để sáng chế ra các công nghệ mới. Tài sản

do hoạt động này tạo ra là tài sản sản xuất và được tiến hành một cách độc lập. Kết quả sản xuất của ngành NCPT trước đây được tính toàn bộ vào chi phí trung gian nhưng theo quan điểm mới thì chỉ tính một phần nếu có theo quy định vào chi phí trung gian còn lại được tính cho tích lũy tài sản. Theo nguyên tắc, hoạt động nghiên cứu và phát triển mà không mang lại lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu thì không cấu thành một tài sản cố định và cần phải được coi là chi phí trung gian. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học cần được đánh giá theo giá thị trường nếu có mua bán giao dịch về các sản phẩm này, nếu không giá trị sản xuất của hoạt động này được tính theo tổng chi phí bao gồm cả chi phí khấu hao tài sản cố định ước tính. Do đó, để tính được giá trị sản xuất của hoạt động nghiên cứu khoa học, cần có được thông tin chi tiết từ phần chi của ngân sách nhà nước cho hoạt động này. Bên cạnh đó cần cài đặt để có được thông tin về hoạt động này ở các doanh nghiệp hoặc các đơn vị sự nghiệp để tính được giá trị sản xuất của nó một cách riêng biệt.

(2) Kết quả sản xuất của ngân hàng Nhà nước

Đối với khuyến nghị của SNA 2008 về việc tách riêng biệt chức năng quản lý nhà nước và hoạt động dịch vụ tài chính của ngân hàng Nhà nước cần được triển khai và áp dụng trong thời gian tới. Để thực hiện việc tính toán này theo SNA2008 cần xây dựng được nguồn thông tin với hai phần riêng biệt: phần chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng và phần kết quả hoạt động sản xuất cung cấp dịch vụ cho hệ thống các ngân hàng chuyên doanh và cho các đơn vị mua dịch vụ ngân hàng khác.

(3) Giá trị sản xuất của hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ trong trường hợp có tổn thất lớn

Thực tế, thông kê tài khoản quốc gia của Việt Nam hiện vẫn tính toán giá trị sản xuất của hoạt động phi nhân thọ theo phương pháp 2 trong khuyến nghị của SNA 2008. Tuy nhiên, việc tính toán các tổn thất

quá lớn xảy ra của hoạt động bảo hiểm nhân thọ vẫn chỉ được coi như các tổn thất như bình thường và xử lý như chuyển nhượng hiện hành. Xét về bản chất khoản bồi thường này không thể coi là chuyển nhượng hiện hành (bổ sung cho các chi phí thường xuyên của doanh nghiệp) mà phải tính là chuyển nhượng vốn (đầu tư cho sản xuất).

Tuy nhiên, để xác định các tổn thất quá lớn cần có quy định cụ thể để xác định về mặt tài chính (thông kê quan tâm đến giá trị bồi thường đối với những tổn thất quá lớn). Thông kê cần dựa trên cơ sở các quy định của các doanh nghiệp bảo hiểm vì họ cũng có những quy định riêng khi xác định tổn thất quá lớn. Ngoài ra, cần thiết phải bổ sung chi tiết bồi thường theo sản phẩm bảo hiểm trong điều tra doanh nghiệp.

(4) Hoạt động tái bảo hiểm

SNA 2008 khuyến nghị nên coi hoạt động tái bảo hiểm tương tự như hoạt động bảo hiểm trực tiếp.

(5) Phần hoàn vốn trong giá trị hàng hóa tự tiêu dùng của người sản xuất thị trường

Hầu hết các đơn vị kinh doanh cá thể và doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay không thực hiện hạch toán chi phí cơ hội khi sử dụng vốn. Hạch toán chi phí hoàn vốn này sẽ được tính vào thặng dư sản xuất gộp. Nếu bóc tách cụ thể hơn, phần hoàn vốn này sẽ được tính vào tích lũy tài sản cố định (trong các đơn vị sản xuất kinh doanh tích lũy tài sản cố định sẽ bao gồm khấu hao tài sản và hoàn vốn). Như vậy, bổ sung phần hạch toán hoàn vốn sẽ làm tăng GDP. Chi phí hoàn vốn chỉ áp dụng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh mang tính thị trường.

2.3. Tài sản, tích lũy tài sản và khấu hao tài sản cố định

(1) Phân loại sản phẩm của hoạt động nghiên cứu và phát triển (NCPT)

Theo phân loại mới này thì trong tài sản cố định và tích lũy tài sản cố định sẽ bao gồm cả sản phẩm của hoạt động nghiên cứu và phát triển. Như vậy,

trong dịch vụ xuất, nhập khẩu cũng sẽ bao gồm cả sản phẩm dịch vụ này. Khi đã có đầy đủ nguồn thông tin để ước tính được kết quả hoạt động nghiên cứu và phát triển này thì việc thực hiện việc tính toán giá trị tài sản, tích lũy tài sản và khấu hao cho loại tài sản này là hoàn toàn có thể.

(2) Phân loại mới về tài sản

Trong thời gian tới, Việt Nam nên nghiên cứu và áp dụng cách SNA 2008 phân loại mới về tài sản đã được giới thiệu trong SNA 2008.

Một số sửa đổi có thể áp dụng vào phân loại sản phẩm của Việt Nam như: Với tài sản phi sản xuất phân nhỏ thành 3 nhóm là (i) tài nguyên thiên nhiên, (ii) cho thuê bằng cấp và hợp đồng, (iii) mua bán thương hiệu và tài sản marketing. Với tài sản sản xuất vẫn phân thành 3 loại: tài sản cố định, tồn kho và tài sản quý hiếm, nhưng có một số thay đổi trong phân loại tài sản cố định.

Tiếp theo là chi tiết một số nội dung đổi mới về phân loại tài sản của SNA 2008 có thể áp dụng trong thời gian tới:

- Đưa “cơ sở dữ liệu” gộp vào “phần mềm máy tính” thành mục “phần mềm máy tính và cơ sở dữ liệu”. Phần mềm máy tính được coi là tài sản cố định nếu được dùng vào sản xuất trong thời gian hơn một năm. Cơ sở dữ liệu có thể được xây dựng để tự sử dụng hoặc để bán dưới dạng quyền truy cập thông tin. Giá trị của cơ sở dữ liệu thường được ước tính bằng tổng chi phí để tạo ra nó. Cơ sở dữ liệu để bán được tính theo giá thị trường gồm cả giá trị của nội dung thông tin.

- Cần xử lý các bản gốc và bản sao của các sản phẩm trí tuệ như các sản phẩm riêng biệt.

- Cài tạo đất vẫn được tính vào tích lũy tài sản cố định tuy nhiên cần được phân biệt với loại tài sản phi sản xuất là đất. Đây là sự phân biệt rất cơ bản, nó cho phép có thể áp dụng được ở Việt Nam, vì trên thực tế chúng ta có thể xác định được các chi phí cho cài tạo

đất nhưng không thể xác định được giá trị đất đặc biệt trong tình hình “bong bóng bất động sản” như hiện nay.

- Cần xem xét khuyến nghị của SNA 2008 về cách tính khấu hao tài sản cố định được theo giá bình quân của một loại tài sản có chất lượng không thay đổi theo thời gian. Đề xuất này có tính khả thi cao, nó cho phép tiếp cận được gần hơn với khấu hao tài sản theo quan niệm của tài khoản quốc gia hơn là khấu hao tài sản trong hạch toán kế toán. Cách tính này sử dụng thông tin về sản phẩm đại diện để ước tính khấu hao trong toàn nền kinh tế.

2.4. Các công cụ và tài sản tài chính

(1) Hạch toán quyền mua cổ phần của người lao động

Thu nhập của người lao động là một trong yếu tố cấu thành của GDP. Nó bao gồm tất cả các khoản thu trực tiếp và gián tiếp của người lao động. Kể từ khi thị trường chứng khoán phát triển, người lao động tại các công ty cổ phần còn được hưởng một phần thu nhập từ cổ phiếu, thưởng của công ty nhưng phần thu nhập này hiện nay vẫn chưa được hạch toán vào thu nhập của người lao động. Để tránh thống kê thiếu dẫn đến tính toán không đầy đủ chỉ tiêu GDP của cả nước, cần thiết phải bổ sung phần quyền lợi này của người lao động trong quá trình hạch toán tài khoản quốc gia.

(2) Tính toán lương hưu trí

Quỹ hưu trí của Việt Nam hiện nay chủ yếu do Bảo hiểm xã hội Việt Nam - Bộ Tài chính đảm nhận thực hiện. Tính toán phần đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động phải tuân thủ theo các quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, thực hiện chi trả lương hưu trí và các đảm bảo xã hội khác ngoài nguồn từ quỹ bảo hiểm xã hội còn có nguồn cấp bù từ ngân sách. Về bản chất, quỹ bảo hiểm xã hội của Việt Nam mang tính đảm bảo xã hội, không tương đồng với khái niệm quỹ hưu trí, bảo hiểm xã hội của quốc tế. Vì

thể, việc tính toán hoàn trả lương hưu trí ngoài phần quỹ bảo hiểm còn phải tính cả phần cấp bù ngân sách. Ngoài ra, hiện có rất nhiều trường hợp hưởng lương hưu đặc biệt không đóng bảo hiểm vẫn nhận được lương hưu. Do đó, việc tính toán này rất phức tạp, chưa thể tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế vốn thực tế rất khác với Việt Nam.

2.5. Hoạt động gia công chế biến

Hiện nay, thống kê công nghiệp và thương mại của Việt Nam vẫn tính hoạt động xuất nhập khẩu của hàng hoá gia công chế biến như khuyến nghị của SNA 1993. Tuy nhiên, cách tính này đã ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị thực của hoạt động xuất, nhập khẩu; từ đó ảnh hưởng tới kết quả tính toán của tài khoản quốc gia. Như vậy, thống kê Việt Nam nên xem xét lại cách

thống kê công nghiệp và thương mại đối với hoạt động gia công chế biến như theo khuyến nghị của SNA 2008.

2.6. Kinh tế phi chính thức

Kinh tế phi chính thức đóng góp nhất định vào sự phát triển các nền kinh tế, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Do đó, cần thiết phải đo lường và đánh giá mức độ đóng góp của khu vực này vào sự phát triển chung của nền kinh tế. Để làm được điều đó cần phải đưa ra khái niệm, cách xác định, phương pháp tính các chỉ tiêu liên quan đến khu vực này. Đặc biệt cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể để phục vụ cho việc tích hợp khu vực này vào hệ thống tài khoản quốc gia trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo:

1. Economic Co-operation and Development, United Nations, World Bank, System of National Accounts 1993 of United Nations by Commission of the European Communities, International Monetary Fund, Organisation, 1993.

2. Organisation for Economic Co-operation and Development, United Nations, World Bank, System of National Accounts 1993 of United Nations by Commission of the European Communities, International Monetary Fund, Organisation, 2008.

////////////////////////////////////